

Bản án số: 166/2024/DS-PT

Ngày: 02 - 8 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thực
hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Đăng

Ông Phạm Trường Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Ngọc Quý – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Phan Thanh
Hào - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 7
năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thực hiện nghĩa vụ tài sản
do người chết để lại”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2024/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024
của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 222/2024/QĐPT-DS
ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Văn T; Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh
Long.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Võ Văn T: Chị Đỗ Thị Mỹ H; Địa
chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 31/5/2024).

- Bị đơn:

1. Chị Trần Thị Kim T1; Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Nguyễn Hoàng O, sinh năm 1960.
3. Bà Trần Thị B.
Cùng địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.
4. Cháu Nguyễn Trần Kim N, sinh năm 2007.
5. Cháu Nguyễn Hoàng V, sinh năm 2009.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Trần Kim N và cháu Nguyễn Hoàng V: Chị Trần Thị Kim T1; Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Võ Thị Hồng P; Địa chỉ: Ấp Ô, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Địa chỉ tạm trú: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Võ Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/11/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Võ Văn T có người đại diện theo uỷ quyền chị Đỗ Thị Mỹ H trình bày:

Trước đây anh Võ Văn T với anh Nguyễn Hoàng V1 và chị Trần Thị Kim T1 là bạn bè thân tình, vì tin tưởng nên anh T cho anh V1 và chị T1 vay tiền các lần như sau:

- Ngày 24/6/2022, vợ chồng anh Nguyễn Hoàng V1, chị Trần Thị Kim T1 vay của anh Võ Văn T số tiền 130.000.000 đồng, việc vay tiền có làm biên nhận nhận tiền, anh Nguyễn Hoàng V1 và chị Trần Thị Kim T1 có ký tên vào biên nhận nhận tiền, mục đích vay là phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình và làm ăn, hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 1,66%/tháng.

- Ngày 09/5/2023, vợ chồng anh Nguyễn Hoàng V1, chị Trần Thị Kim T1 vay của anh Võ Văn T số tiền 97.000.000 đồng, việc vay tiền này không có làm biên nhận, hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Cùng ngày, anh Nguyễn Hoàng V1 có làm giấy ủy quyền cho anh Võ Văn T với nội dung nếu anh Nguyễn Hoàng V1 không trả tiền cho anh Võ Văn T thì anh T được quyền liên hệ bảo hiểm xã hội để nhận tiền bảo hiểm và giao cho anh T giữ sổ bảo hiểm xã hội tên Nguyễn Hoàng V1, mã số 8615008169.

Do nhu cầu cần vốn làm ăn anh Võ Văn T có liên hệ yêu cầu anh Nguyễn Hoàng V1 và chị Trần Thị Kim T1 trả tiền vay cho anh T nhưng anh V1 không

có tiền trả và trong nội dung cuộc nói chuyện qua điện thoại anh T có ghi âm thì anh V1 thừa nhận có nợ anh số tiền 97.000.000 đồng.

Đến ngày 16/9/2023, anh Nguyễn Hoàng V1 đột ngột qua đời, không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của anh V1 gồm chị Trần Thị Kim T1 (vợ anh V1), ông Nguyễn Hoàng O và bà Trần Thị B (cha mẹ anh V1), cháu Nguyễn Trần Kim N và cháu Nguyễn Hoàng V (các con anh V1, chị T1).

Từ khi vay tiền đến nay, anh V1 và chị T1 chưa trả tiền gốc và lãi như đã thoả thuận. Do đó, anh Võ Văn T khởi kiện yêu cầu phía bị đơn là chị Trần Thị Kim T1 và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất anh V1 gồm chị T1, ông O, bà B, cháu N và cháu V có trách nhiệm trả cho anh T các số tiền sau: Tiền vay vốn gốc là 130.000.000 đồng, tiền lãi tính 15 tháng, lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 24/6/2022 đến ngày 24/9/2023 bằng số tiền 32.370.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 162.370.000 đồng; T2 vay vốn gốc là 97.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi suất. Tổng cộng là 259.370.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Trần Thị Kim T1 trình bày:

Chị Trần Thị Kim T1 và anh Nguyễn Hoàng V1 là vợ chồng kết hôn từ năm 2006, khi kết hôn xong, chị sống bên gia đình chồng (nhà bà Trần Thị B) khoảng 01 năm, sau đó vợ chồng anh Nguyễn Hoàng V1 và chị Trần Thị Kim T1 về sống chung gia đình mẹ ruột của chị Trần Thị Kim T1 cho đến khi anh Nguyễn Hoàng V1 mất. Mùng 02 tháng 8 năm 2023 (âm lịch), anh Nguyễn Hoàng V1 đột ngột qua đời do bệnh tật. Anh Nguyễn Hoàng V1 chết không để lại di chúc, khi còn sống anh chị sống bằng tiền lương công nhân nên không có tài sản, không có nhà cửa, ruộng đất. Anh Nguyễn Hoàng V1 chết chỉ để lại sổ bảo hiểm mang tên Nguyễn Hoàng V1. Việc anh V1 nợ tiền anh Võ Văn T là nợ riêng của anh chị, không liên quan đến cha mẹ của anh Nguyễn Hoàng V1 là ông Nguyễn Hoàng O và bà Trần Thị B.

Chị Trần Thị Kim T1 thống nhất khoản tiền nợ là 130.000.000 đồng, đồng ý trả số tiền 130.000.000 đồng nhưng xin không trả lãi. Số tiền lãi 65.500.000 đồng trước đây anh V1 có đưa cho anh Võ Văn T thì chị T1 không yêu cầu cản trừ và xin không trả lãi.

Đối với số tiền 97.000.000 đồng thì chị không biết, chị chỉ nghe anh Nguyễn Hoàng V1 lúc còn sống nói nợ tiền anh Võ Văn T nên giao sổ bảo hiểm cho anh T để trừ nợ số tiền 130.000.000 đồng, lúc giao sổ anh V1 có nhờ tính giá trị khoảng 97.000.000 đồng. Chị không biết nên không đồng ý trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị B và ông Nguyễn Hoàng O trình bày:

Anh Nguyễn Hoàng V1 là con trai thứ ba của ông bà, anh Nguyễn Hoàng V1 lập gia đình ra ở riêng từ nhiều năm nay. Ông bà cũng nghèo khó khăn, không có tài sản gì, anh Nguyễn Hoàng V1 chết không để lại tài sản gì cho ông bà nên ông bà không đồng ý cùng với chị Trần Thị Kim T1 trả số nợ này như anh Võ Văn T yêu cầu.

Ngày 22/4/2024, trong quá trình xét hỏi tại phiên tòa, anh Võ Văn T cho rằng nguồn tiền anh cho anh Nguyễn Hoàng V1 và chị Trần Thị Kim T1 vay là tài sản chung với vợ anh là chị Võ Thị Hồng P. Chị Trần Thị Kim T1 khai chị có trả tiền lãi cho chị Võ Thị Hồng P, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm tạm ngừng phiên tòa để làm rõ và đưa chị Võ Thị Hồng P vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Hồng P trình bày:

Chị là vợ của anh Võ Văn T, số tiền anh T cho anh Nguyễn Hoàng V1 và chị Trần Thị Kim T1 vay là tiền của hai vợ chồng vay Ngân hàng. Từ khi anh V1, chị T1 vay mượn tiền của anh T, anh V1 và chị T1 chưa trả số tiền nào, chị không có nhận tiền lãi từ chị Trần Thị Kim T1 đưa cho chị. Do anh Nguyễn Hoàng V1 chết nên chị không yêu cầu Tòa án mở phiên hòa giải. Nay chị yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Nguyễn Hoàng V1 là chị Trần Thị Kim T1, ông Nguyễn Hoàng O, bà Trần Thị B, cháu Nguyễn Trần Kim N và cháu Nguyễn Hoàng V và cá nhân chị Trần Thị Kim T1 trả cho anh Võ Văn T số tiền vốn và lãi là 280.897.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 52/2024/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 74, 85, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 288, 422, 463, 465, 466, 468, 469, 615 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Văn T.

Buộc chị Trần Thị Kim T1 phải có nghĩa vụ trả cho anh Võ Văn T số tiền vốn và lãi là 81.185.000 đồng, trong đó vốn là 65.000.000 đồng và tiền lãi là

16.185.000 đồng.

Buộc Trần Thị Kim T1, ông Nguyễn Hoàng O, bà Trần Thị B, cháu Nguyễn Trần Kim N và cháu Nguyễn Hoàng V phải có nghĩa vụ trả cho anh Võ Văn T số tiền vốn và lãi là 80.861.000 đồng, trong đó vốn là 65.000.000 đồng và tiền lãi là 15.861.000 đồng, trong phạm vi di sản của anh Nguyễn Hoàng V1 chết để lại. Số tiền lãi không được chấp nhận là 323.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu anh Võ Văn T yêu cầu chị Trần Thị Kim T1, ông Nguyễn Hoàng O, bà Trần Thị B, cháu Nguyễn Trần Kim N và cháu Nguyễn Hoàng V trả cho anh Võ Văn T số tiền 114.712.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, nguyên đơn anh Võ Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm số 52/2024/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn T buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Nguyễn Hoàng V1 là chị Trần Thị Kim T1, ông Nguyễn Hoàng O, bà Trần Thị B, cháu Nguyễn Trần Kim N và cháu Nguyễn Hoàng V có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền gốc 97.000.000 đồng, lãi là 17.712.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 114.712.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn căn cứ vào giấy ủy quyền ngày 09/5/2023 giữa anh V1 với anh T và nội dung cuộc ghi âm giữa anh V1 với anh T thể hiện anh V1 có nợ anh T số tiền 97.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu giám định giọng nói anh V1 trong đoạn ghi âm do nguyên đơn cung cấp.

Bị đơn chị Trần Thị Kim T1, ông Nguyễn Hoàng O, bà Trần Thị B không thừa nhận anh V1 có nợ anh T số tiền 97.000.000 đồng nên không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh T và cho rằng giấy ủy quyền ngày 09/5/2023 giữa anh V1 với anh T lập nhằm để đảm bảo cho số tiền 130.000.000 đồng anh V1 nợ theo biên nhận ngày 24/6/2022. Đồng thời các bị đơn thừa nhận khi anh V1 chết chỉ để lại số tiền bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm mang mã số 8615008169 được số tiền là 97.500.000 đồng. Số tiền trên các bị đơn đã sử dụng một phần để làm chi phí khi mai táng cho anh V1. Ngoài ra, anh V1 không có để lại di sản nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 52/2024/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Võ Văn T yêu cầu buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh V1 là chị Trần Thị Kim T1, ông Nguyễn Hoàng O, bà Trần Thị B, cháu Nguyễn Trần Kim N và cháu Nguyễn Hoàng V trả cho anh T số tiền số là 97.000.000 đồng, lãi là 17.712.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 114.712.000 đồng. Nguyên đơn anh Võ Văn T trình bày khi cho anh Nguyễn Hoàng V1 vay số tiền 97.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,66%/tháng, hai bên không có làm biên nhận nợ. Tuy nhiên, để đảm bảo cho số tiền vay anh V1 có lập giấy ủy quyền cho anh T nhận số tiền bảo hiểm xã hội tên anh V1 mang mã số 8615008169 với số tiền là 97.000.000 đồng.

Xét Giấy uỷ quyền lập ngày 09/5/2023 về việc anh V1 uỷ quyền cho anh T với nội dung: *“Bên A uỷ quyền cho Bên B được quyền thay mặt Bên A liên hệ các cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm xã hội một lần theo bảo hiểm xã hội số: 8615008169 mang tên ông Nguyễn Hoàng V1 do Bảo hiểm xã hội V2 cấp ngày 06/08/2015”*, nhận thấy nội dung trong giấy uỷ quyền giữa anh V1 và anh T không xác định rõ số tiền bao nhiêu và cũng không xác định rõ mục đích việc anh V1 uỷ quyền cho anh T là để cản trừ hoặc nhằm đảm bảo cho khoản vay 97.000.000 đồng. Còn chị T1 thì cho rằng không biết việc anh V1 vay anh T số tiền 97.000.000 đồng và cho rằng giấy uỷ quyền lập ngày 09/5/2023 giữa anh V1 với anh T nhằm để đảm bảo cho số tiền 130.000.000 đồng anh V1 nợ anh T theo biên nhận ngày 24/6/2022.

Ngoài ra, anh T cho rằng sau khi vay tiền, anh V1 vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên hồi 19 giờ 17 phút ngày 16/8/2023, anh T có gọi điện thoại cho anh V1 trao đổi về việc anh V1 nợ số tiền 97.000.000 đồng và anh V1 uỷ quyền anh T nhận thay tiền bảo hiểm. Tuy nhiên, chị T1 không thừa nhận nội dung giọng nói của

anh V1 trong đoạn ghi âm. Các đương sự không yêu cầu giám định giọng nói đoạn ghi âm do anh T cung cấp. Xét nội dung cuộc nói chuyện theo như bản dịch thuật được cung cấp cũng không thể xác định được có hay không việc anh V1 vay của anh T số tiền 97.000.000 đồng. Mặt khác, chị T1 không thừa nhận việc anh V1 có vay của anh T lần thứ hai với số tiền 97.000.000 đồng. Do đó, không có căn cứ xác định đoạn ghi âm cuộc điện thoại mà anh T cung cấp cho Toà án là lời thừa nhận anh V1 có vay anh T số tiền 97.000.000 đồng. Ngoài ra, anh T cũng không còn tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc vay mượn số tiền 97.000.000 đồng giữa anh và anh V1.

Mặt khác, tại phiên tòa anh T và người đại diện hợp pháp anh T thừa nhận sau khi anh V1 vay số tiền 130.000.000 đồng ngày 24/6/2022 thì anh V1, chị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho anh T. Tính từ thời điểm vay lần thứ nhất đến ngày 09/5/2023 thì anh V1, chị T1 nợ tiền lãi là 32.270.000 đồng. Anh T nhiều lần đòi tiền anh V1, chị T1 nhưng vợ chồng anh V1 không trả lãi. Đến ngày 09/5/2023 anh V1 tiếp tục hỏi vay anh T số tiền 97.000.000 đồng nhưng vì tình bạn nên anh T tiếp tục cho anh V1 vay và khi vay không buộc anh V1, chị T1 viết biên nhận.

Từ những phân tích trên, nhận thấy cấp sơ thẩm bác yêu cầu của anh Võ Văn T yêu cầu chị Trần Thị Kim T1, ông Nguyễn Hoàng O, bà Trần Thị B, cháu Nguyễn Trần Kim N và cháu Nguyễn Hoàng V trả cho anh Võ Văn T số tiền 97.000.000 đồng và tiền lãi 17.712.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 114.712.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh T về việc yêu cầu chị Trần Thị Kim T1 và những người thuộc hàng thừa kế của anh Nguyễn Hoàng V1 trả cho anh T số tiền 114.712.000 đồng.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Võ Văn T không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về buộc chị Trần Thị Kim T1 phải có nghĩa vụ trả cho anh Võ Văn T số tiền vốn và lãi là 81.185.000 đồng và buộc Trần Thị Kim T1, ông Nguyễn Hoàng O, bà Trần Thị B, cháu Nguyễn Trần Kim N và cháu Nguyễn Hoàng V phải có nghĩa vụ trả cho anh Võ Văn T số tiền vốn và lãi là 80.861.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, điều 26, điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Võ Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 52/2024/DS-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 288, Điều 422, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn T về việc yêu cầu chị Trần Thị Kim T1, ông Nguyễn Hoàng O, bà Trần Thị B, cháu Nguyễn Trần Kim N và cháu Nguyễn Hoàng V trả cho anh Võ Văn T số tiền 97.000.000 đồng và tiền lãi 17.712.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 114.712.000 đồng.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Võ Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền anh T nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001173 ngày 29/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Anh T đã nộp xong.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về buộc chị Trần Thị Kim T1 phải có nghĩa vụ trả cho anh Võ Văn T số tiền vốn và lãi là 81.185.000 đồng và buộc Trần Thị Kim T1, ông Nguyễn Hoàng O, bà Trần Thị B, cháu Nguyễn Trần Kim N và cháu Nguyễn Hoàng V phải có nghĩa vụ trả cho anh Võ Văn T số tiền vốn và lãi là 80.861.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA 01;
- TACC 01;
- VKSND TVL 02;
- TAND H.LH 01;
- VKSND H.LH 01;
- Chi Cục THADS H.LH 01;
- Đương sự 07;
- Phòng HCTP 01;
- Phòng KTNV&THA 01;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Sơn Nữ Phà Ca